

Án số: 119 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình về việc kiện tranh chấp ly hôn thụ lý số 686/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXX ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; (có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Xóm X, xã Đ, TP T. N, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1966; (có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Xóm A, xã Đ, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Việt T năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P (nay thuộc thành phố T. N), tỉnh Thái Nguyên. Hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra việc cãi, đánh nhau, đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không thể tiếp tục chung sống được, chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ

tháng 02 năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa chị D xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/9/2012. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Viết T trình bày:

Năm 2012 anh kết hôn với chị Nguyễn Thị D, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P (nay thuộc thành phố T. N), tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng có xảy ra xô xát, chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02 năm 2021 đến nay, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Chị D đề nghị được ly hôn anh không đồng ý vì không muốn con chung phải khổ.

Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/9/2012. Nếu phải ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi con anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Xuân B đã trên 7 tuổi, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã tiến hành lấy lời khai của cháu B, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu thương mẹ.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị D được ly hôn với anh T, giao con chung Nguyễn Xuân B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã Đ, thành phố T. N, tỉnh Thái Nguyên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

[2] Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Viết T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P (nay thuộc thành phố T. N), tỉnh Thái Nguyên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T, yêu cầu ly hôn để giải phóng cho nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự để hàn gắn tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng chị D kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn, chị D xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn.

[4] Toà án hoà giải, cho các đương sự thời gian để có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và thỏa thuận về con chung khi ly hôn, nhưng anh T không có biện pháp gì thuyết phục chị D về chung sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị D kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Viết T là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/9/2012. Chị D và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị D và anh T đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, tuy nhiên cháu Nguyễn Xuân B có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu B đang ở độ tuổi cần sự chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục trực tiếp từ người mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Xuân B là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[8] Về khoản nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[9] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56, 58 Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Các Điều 2,6,78,9,30 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Viết T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Xuân B, sinh ngày 03/9/2012, cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000636 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

6. *Quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Viết T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND xã Đ, TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hà

